CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ngày 31/03/2024	11,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**2.2%**	**-1.7%**

DT thuần
Q1/24
6,243
tỷ VNĐ
QoQ: ▼169| -2.6%
YoY: ▼1,181| -15.9%

LN thuần
Q1/24
207
tỷ VNĐ
QoQ: ▼222| -51.7%
YoY: ▼330| -61.4%

LN sau thuế
Q1/24
216
tỷ VNĐ
QoQ: ▼230| -51.5%
YoY: ▼434| -66.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
5.7%
YoY: +/-▼ 4.2%

ROE (TTM)
Q1/24
2.4%
YoY: +/-▼ 0.8%

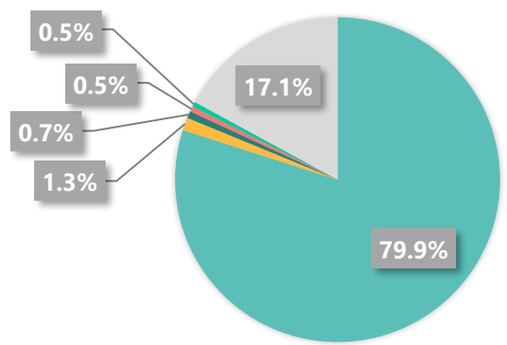
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,600 - 14,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,697
Số lượng CPLH (CP)	2,341,871,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,211,415
Sở hữu nước ngoài	4.0%
Beta	0.91
EPS	350
P/E	32.6

DT thuần
2023
28,329
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105| 0.4%

LN thuần
2023
1,290
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,475| -53.3%

LN sau thuế
2023
1,283
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,270| -49.7%

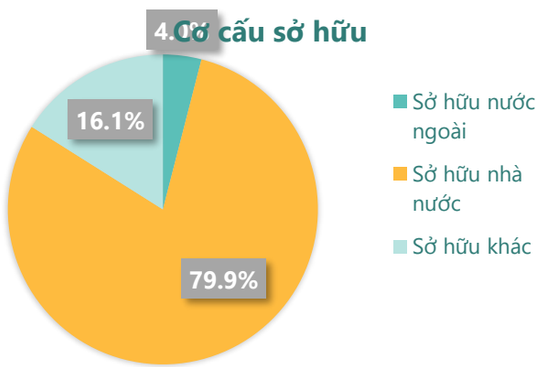
Cơ cấu cổ đông



- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Norges Bank
- Amersham Industries Ltd
- Hanoi Investments Holdings Ltd
- Vela SPC Ltd
- Khác

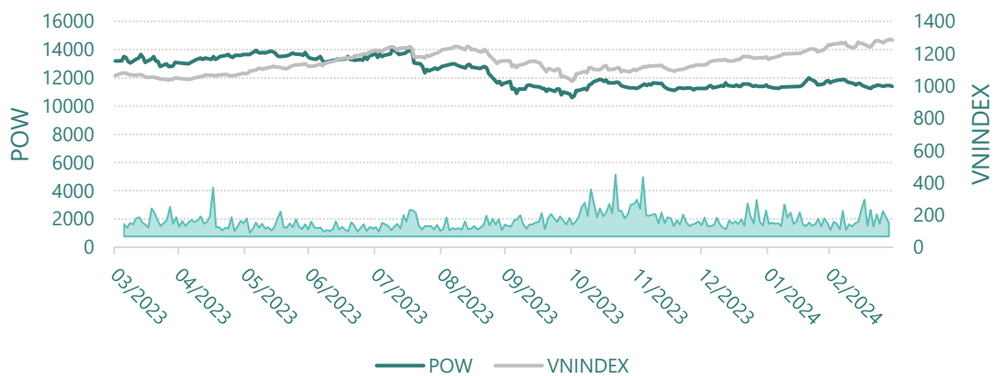
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



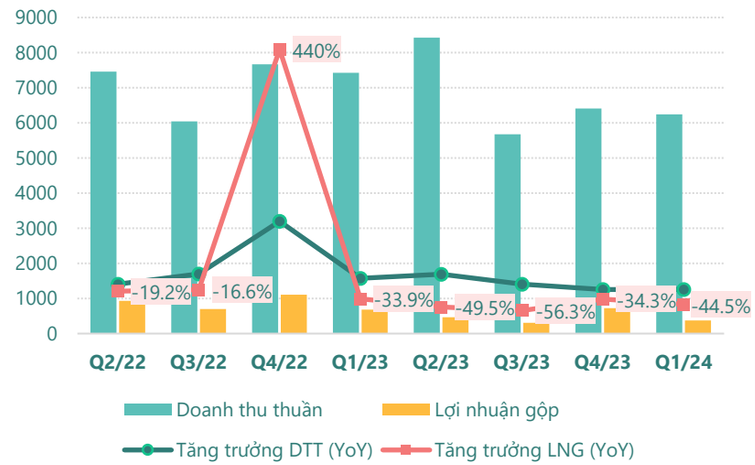
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



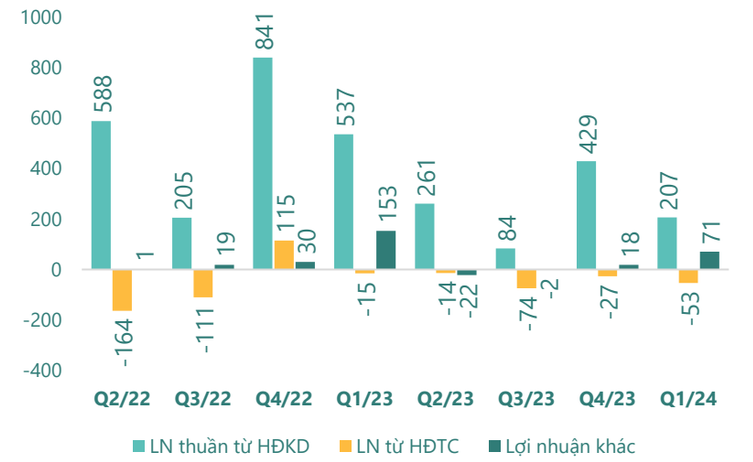
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



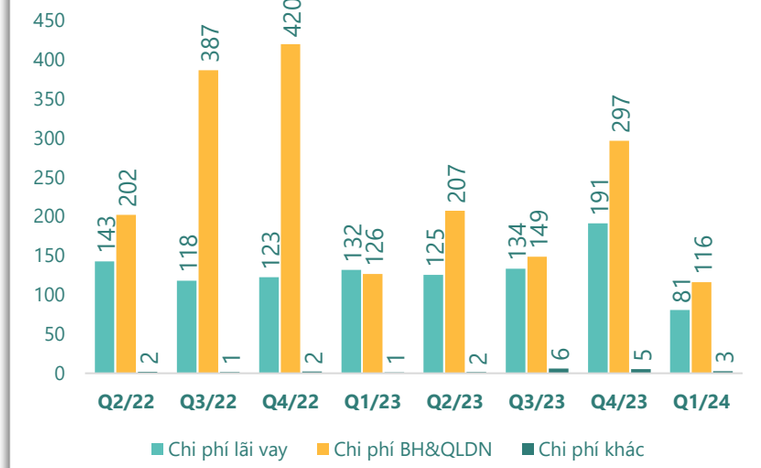
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



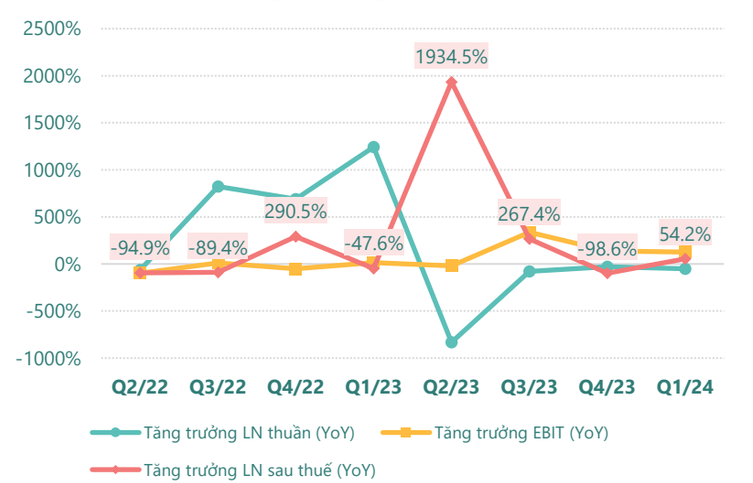
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



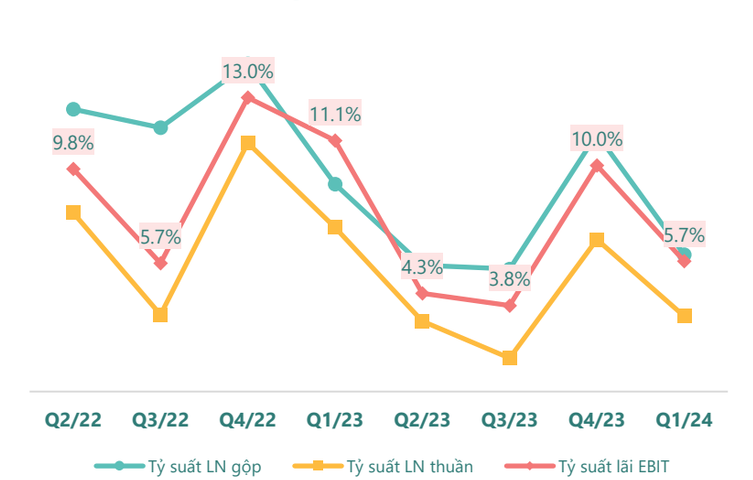
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



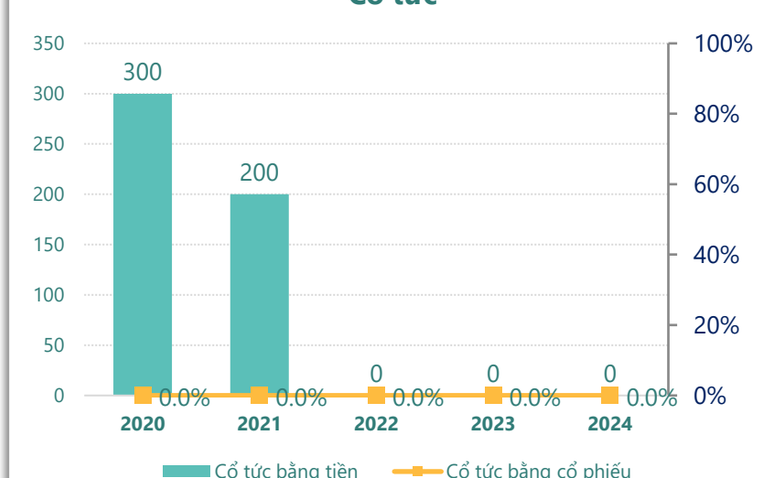
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

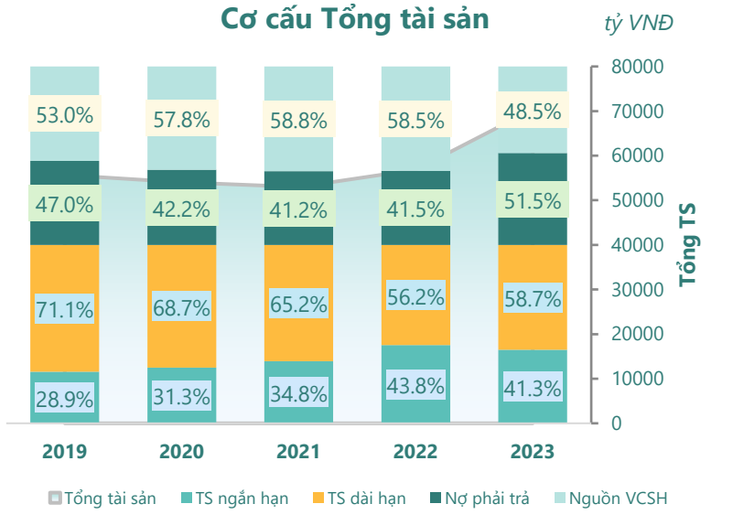
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

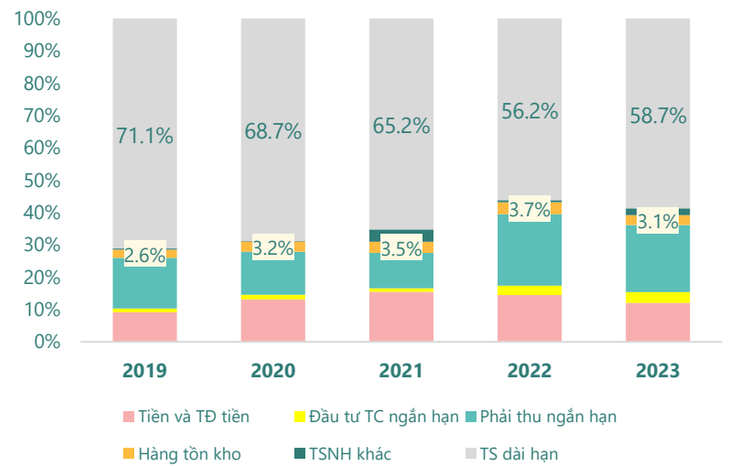
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



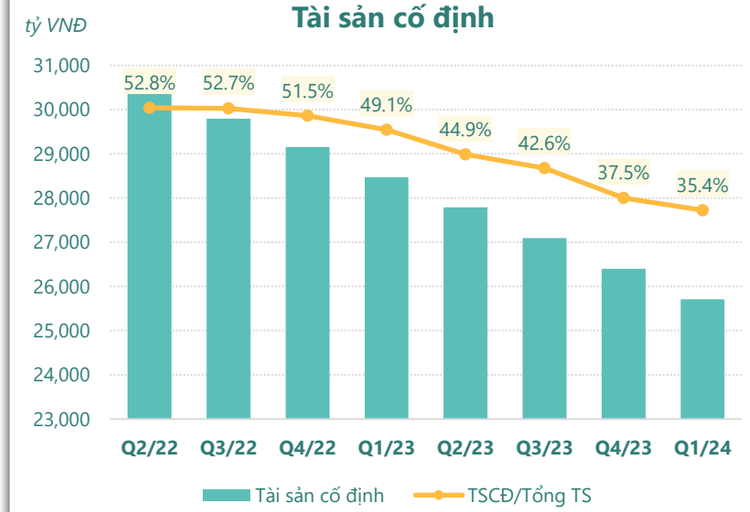
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



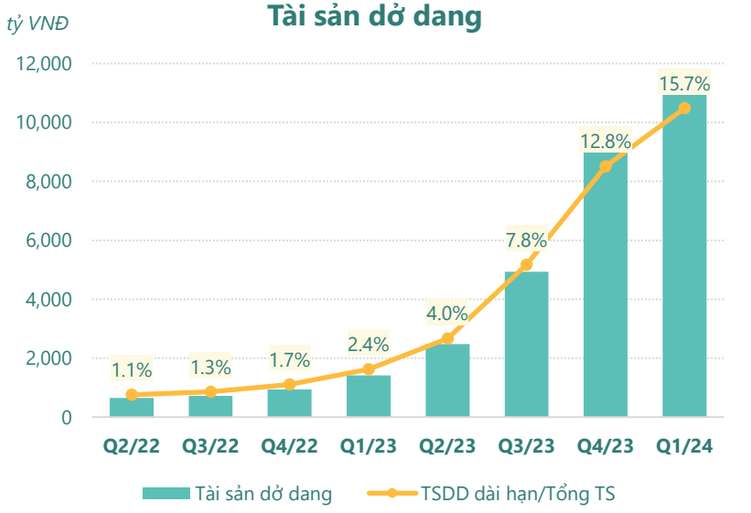
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



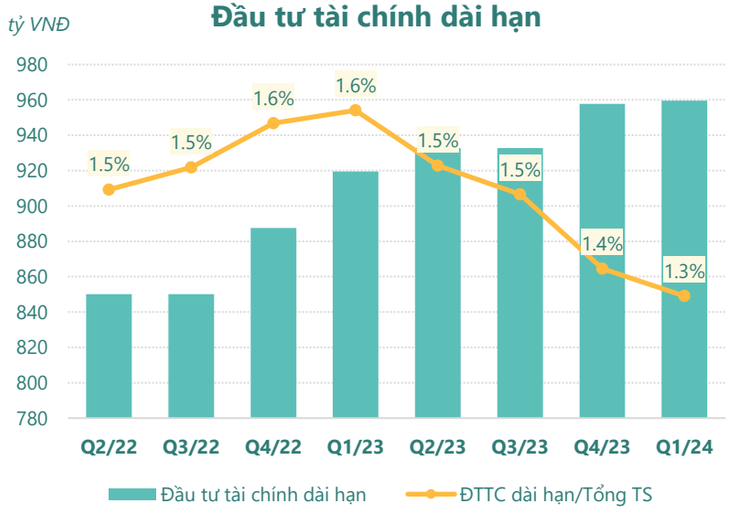
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



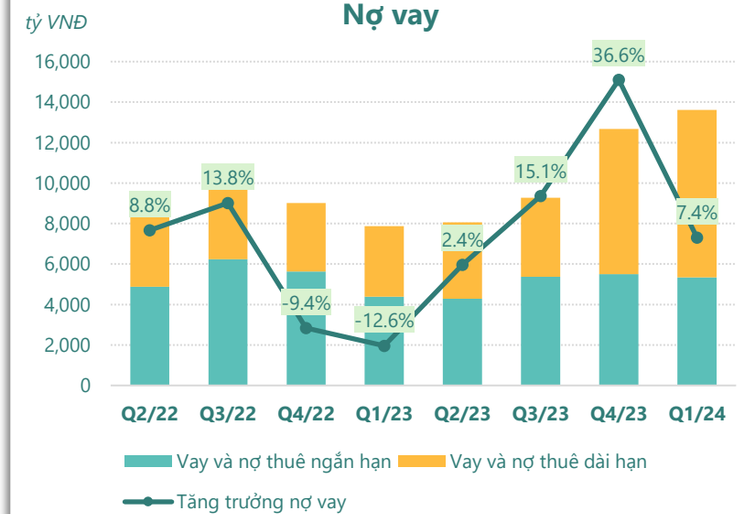
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

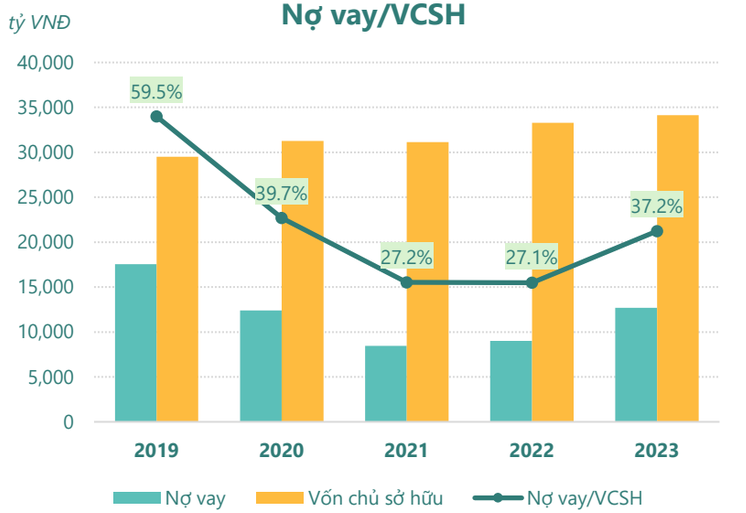
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

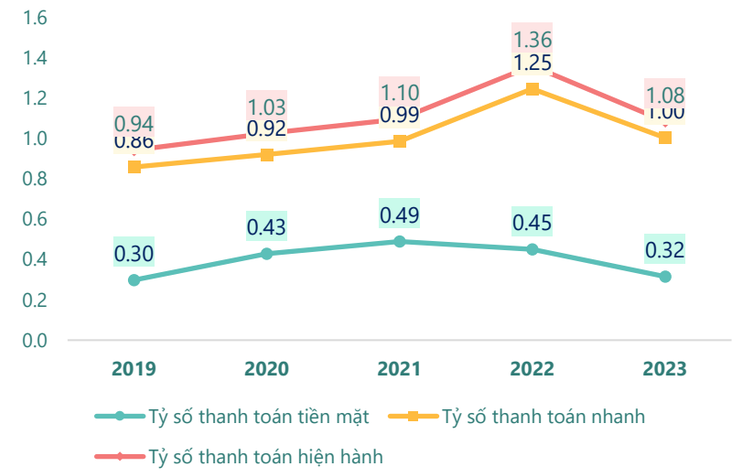
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



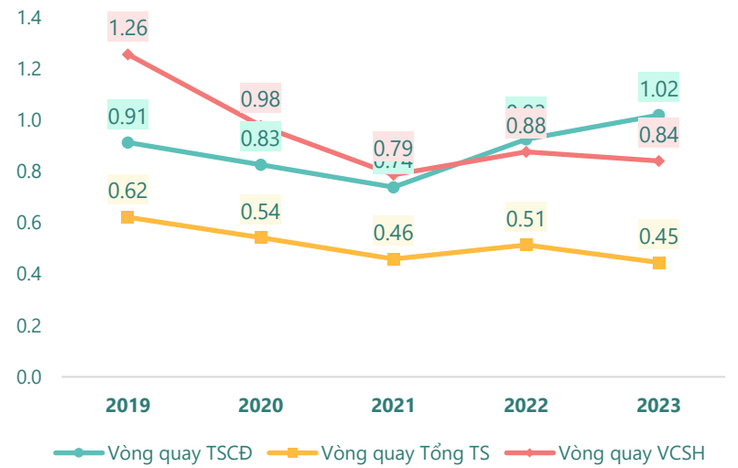
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



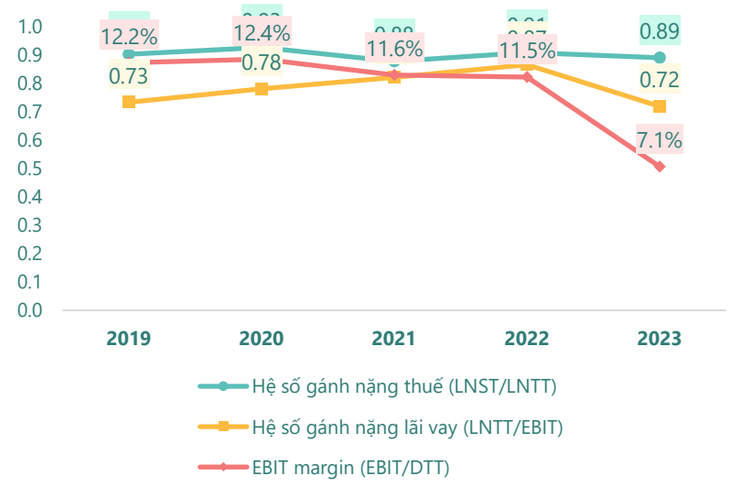
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



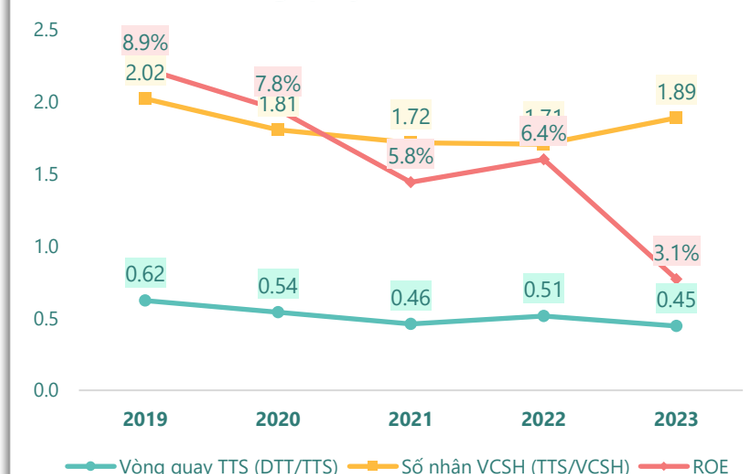
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



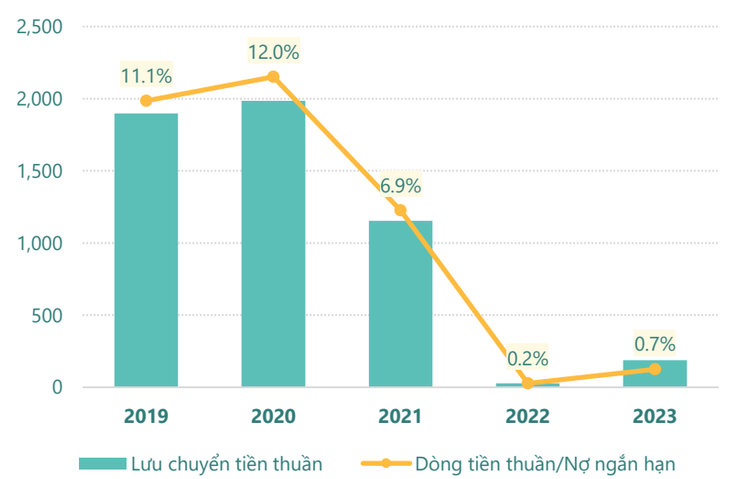
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6,243**	**7,424**	**-15.9%**	**28,329**	**28,224**	**0.4%**
Giá vốn hàng bán	5,866	6,745	-13.0%	25,625	24,498	4.6%
Lợi nhuận gộp	377	679	-44.5%	2,704	3,726	-27.4%
Doanh thu HĐTC	101	125	-19.0%	544	445	22.1%
Chi phí TC	154	140	10.3%	730	592	23.3%
Chi phí lãi vay	80.6	132	-39.0%	565	438	29.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**40.1**	**53.2**	**-24.6%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**116**	**126**	**-7.7%**	**1,268**	**868**	**46.2%**
LN thuần từ HĐKD	207	537	-61.4%	1,290	2,765	-53.3%
Lợi nhuận khác	**70.9**	**153**	**-53.6%**	**152**	**44.1**	**245%**
LN trước thuế	278	690	-59.7%	1,442	2,809	-48.7%
Lợi nhuận sau thuế	**216**	**650**	**-66.7%**	**1,283**	**2,553**	**-49.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**278**	**534**	**-48.0%**	**1,038**	**2,061**	**-49.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,921	-1,594	3,149	-458	2,160	-2,435
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-824	-336	-280	-1,091	-4,551	759
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-979	-1,246	211	905	3,452	775
Tiền đầu kỳ	8,159	8,252	5,075	8,154	7,510	8,440
Lưu chuyển tiền thuần	**118**	**-3,177**	**3,079**	**-645**	**1,061**	**-901**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	-0.01	21.1	0.00
Tiền cuối kỳ	8,277	5,075	8,154	7,510	8,592	7,538

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**72,550**	**70,362**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	28,377	29,042	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	7,538	8,440	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,570	2,391	-34.3%
Phải thu ngắn hạn	15,636	14,560	7.4%
Hàng tồn kho	1,821	2,167	-16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1,811	1,484	22.1%
Tài sản dài hạn	**44,172**	**41,320**	**6.9%**
Phải thu dài hạn	0.41	0.44	-8.2%
Tài sản cố định	25,709	26,402	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11,409	9,032	26.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	960	960	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6,094**	**4,926**	**23.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	38,682	36,243	6.7%
Nợ ngắn hạn	**28,587**	**26,785**	**6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,334	5,507	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	17,903	15,947	12.3%
Nợ dài hạn	10,095	9,458	6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,285	7,172	15.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**33,868**	**34,119**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**33,868**	**34,119**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	23,419	23,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)